

**BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE****1. Thông tin chung**

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty hữu hạn chế tạo công nghiệp và gia công chế biến hàng xuất khẩu Việt Nam (VMEP)
- 1.2. Địa chỉ: Khu phố 5, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- 1.3. Loại xe phương tiện: ~~Xe mô tô 2 bánh~~/Xe gắn máy 2 bánh/~~Loại xe khác~~<sup>(1)</sup>
- 1.4. Nhãn hiệu: SYM
- 1.5. Tên thương mại: ---
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): ELEGANT 50 – SE4
- 1.7. Số giấy chứng nhận<sup>(2)</sup>: 10123/VAQ06-01/24-00
- 1.8. Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 3176/NETC-M/19/C ngày: 14/11/2019

**2. Thông số kỹ thuật của xe**

- 2.1. Khối lượng bản thân: 95 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 225 kg
- 2.3. Động cơ
  - 2.3.1. Kiểu động cơ: SYM VMSE1  
Loại động cơ: xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí.
  - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 49,5 cm<sup>3</sup>
  - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 1,7 kW / 7500 rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: Chế hòa khí/~~phun nhiên liệu~~/khác: .....<sup>(1)</sup>
- 2.5. Hộp số
  - 2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~<sup>(1)</sup>
  - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 4 số
  - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: số 1: 2,833 / số 2: 1,705 / số 3: 1,238 / số 4: 0,958
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,230
- 2.7. Lốp
  - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 70/80-17 35P áp suất: 196 kPa
  - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 80/80-17 47P áp suất: 220,6 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 46 km/h

**3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu**

- 3.1. Chu trình thử: ~~TCVN 7357:2010/ TCVN 7358:2010/TCVN 9726:2013/.....~~<sup>(1)</sup>



### 3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ TCVN 7358:2010/ TCVN 9726:2013/..... (1)

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,53 l/100 km

### 4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



### 5. Ghi chú (nếu có):

.....  
.....  
.....

Đồng Nai, ngày 01 tháng 06 năm 2024

Công Ty VMEP

Phó giám Đốc *hml*



*HSU CHIH HSIANG*

**HSU CHIH HSIANG**

### Ghi chú:

(1) Gạch ngang phần không áp dụng.

(2) Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm